

CÔNG KHAI

Thực hiện Thông tư 09/TT/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về Quy định công khai trong các hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường Tiểu học An Tây công khai hoạt động của nhà trường trong năm học 2024-2025 như sau:

Mục 3. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông.

a) Số biên chế được UBND Thành phố giao năm 2024:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1	0			1	
Phó Hiệu trưởng	2	1			2	
Giáo viên	69	58	1	8	61	
Nhân viên	7	6		2	5	
Hợp đồng 111	9	4				

b) Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường Tiểu học An Tây năm học 2024-2025:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
I	Giáo viên	69	0	0	60	7	2	0	3	46	20
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt	54			50	2	2		3	33	18
1	Tiếng dân tộc	0									
2	Ngoại ngữ	6			4	2				6	
3	Tin học	2			2					1	1
4	Âm nhạc	1				1				1	
5	Mỹ thuật	2			2					1	1
6	Thể dục	4			2	2				4	

II	Cán bộ quản lý	3	0	0	3	0	0	0	0	0	3
1	Hiệu trưởng	1			1						1
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2
III	Nhân viên	16	0	0	5	0	2	9	0	0	3
1	Nhân viên văn thư	1			1						
2	Nhân viên kế toán	1			1						
3	Thủ quỹ	0									
4	Nhân viên Y tế	2					2				
5	Nhân viên Thư viện	1			1						1
6	Nhân viên Thiết bị	0									
7	Tổng phụ trách Đội	1			1						1
8	Nhân viên Bảo vệ	5						5			
9	Nhân viên phục vụ	4						4			
10	Nhân viên XMPC	0									
11	Nhân viên phụ trách CNTT	1			1						1

I. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Thông tin cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	61/53	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	58	1.18
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm	3	1.18
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	15.858	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3.338	
VI	Tổng diện tích các phòng	5144	
1	Diện tích phòng học (m ²)	3479	
2	Diện tích thư viện (m ²)	200	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa	750	

	năng, nhà ăn (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật(m ²)	143	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ(m ²)	143	
6	Diện tích phòng tin học(m ²)	143	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục(m ²)	143	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập(m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội(m ²)	143	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	23	1 bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo qui định		
1.1	Khối lớp 1	12	12 bộ/12 lớp
1.2	Khối lớp 2	11	11 bộ/11 lớp
1.3	Khối lớp 3	0	
1.4	Khối lớp 4	0	
1.5	Khối lớp 5	0	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với qui định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	12	
2.4	Khối lớp 4	9	
2.5	Khối lớp 5	9	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60	40 học sinh/bộ 50/1 bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	53	1 thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa	4	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	
5	Nhạc cụ	8	
6	Thiết bị khác...	4	



	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	273
XI	Nhà ăn	750

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	58/3302 m ²	50	1,1
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	7	0	12/12	0	0,2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT/BGDĐT ngày 04/9/2020 của BGDĐT ban hành Điều lệ trường Tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

II. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Cải tiến chất lượng giáo dục:.....
- Kiểm định chất lượng giáo dục:.....

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Cam kết chất lượng giáo dục của trường Tiểu học An Tây, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	- Tất cả học sinh 6-9 tuổi trong địa bàn đều được tuyển sinh.	- Tất cả học sinh 7-10 tuổi trong địa bàn đều được tuyển sinh. Yêu cầu: học sinh đã học xong chương trình lớp 1.	- Tất cả học sinh 8-11 tuổi trong địa bàn đều được tuyển sinh. Yêu cầu: học sinh đã học xong chương trình lớp 2	- Tất cả học sinh 9-12 tuổi trong địa bàn đều được tuyển sinh. Yêu cầu: học sinh đã học xong chương trình lớp 3	- Tất cả học sinh 10-13 tuổi trong địa bàn đều được tuyển sinh. Yêu cầu: học sinh đã học xong chương trình lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông - cấp tiểu học và theo chuẩn kiến thức – kỹ năng của từng môn học.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. - Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<p>- Nhà trường sẽ thông báo kết quả giáo dục hạnh kiểm và học tập của học sinh theo từng tháng, từng học kì; gia đình phải liên hệ thường xuyên với GVCN, với ban giám hiệu để cùng phối hợp giáo dục học sinh.</p> <p>- Học sinh phải thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của một học sinh tiểu học, chấp hành đầy đủ nội quy của nhà trường</p>				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Trong năm học, nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá, các buổi sinh hoạt đội, sinh hoạt ngoài giờ lên lớp và tổ chức tham quan thực tế để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh của nhà trường.				

V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối năm học, tất cả học sinh đều được đánh giá về năng lực và phẩm chất đạt 98%. trở lên. - Cuối năm học, hầu hết học sinh đều đạt được Chuẩn kiến thức-Kỹ năng theo quy định của từng khối lớp, có 98 % trở lên học sinh hoàn thành chương trình lớp học và 100% học sinh lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình cấp tiểu học. - Duy trì sĩ số: 100% - Cuối năm học, 100% học sinh đều có đủ sức khỏe để học tập, sinh hoạt, vui chơi.
VI	- Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối năm học, hầu hết học sinh đều có đủ kiến thức, kỹ năng để theo học các lớp trên.

An Tây, ngày 28 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Dũng